

Bản án số: 780/2026/HS-PT
Ngày 11 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Minh Châu.

2. Ông Trương Công Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 686/HSPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Võ Hoàng Kiều A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 235/2026/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Hoàng Kiều A, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: D T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Hoàng Thị Hồng N; chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2026, có mặt.

- Người bào chữa: Ông Trịnh Văn H, Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hoàng Kiều A là bạn gái của Nguyễn Mạnh C bị can trong vụ án “Gây rối trật tự công cộng” xảy ra ngày 05/04/2022 tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đó, Kiều A quen biết bà Lương Thị S là mẹ của Dương Lương Thành

Đ cùng là bị can trong vụ án trên. Năm 2023, Kiều A liên lạc với bà S để thông tin về việc thăm nuôi Đ tại trại giam vì bà S ở nước ngoài. Thời gian bà S ở nước ngoài, Võ Hoàng Kiều A sử dụng điện thoại di động liên lạc với bà S nói chuyện về nội dung liên quan đến vụ việc và các thông tin như:

Kiều A nói với bà S: “khẩu súng của thằng C bị điều tra viên T lấy, T đã bán khẩu súng lấy tiền, nó bào được nhiều bào, nó bán thì nói cho mình biết nó bán, mình lấy khẩu khác bỏ vào, nó sợ mình nó ngâm, cái thằng chó đó nó ngu như bò vậy đó”.

Kiều A nói với bà S: “quản giáo T2 hứa cho gọi điện thoại gặp mặt” Kiều A trao đổi với bà S việc: “mua 01 cái đai đồ chơi để tặng cán bộ quản giáo T2”. Kiều A và bà S trao đổi nội dung liên quan đến Nguyễn Đoàn Hữu A1, Kiều A nói: “mẹ của Hữu A1 sẽ lo vụ án này, vì Hữu A1 có liên quan đến khẩu súng cho Đ”. Bà S nhờ Kiều A hỏi trại tạm giam cho bà S gặp mặt Đ được không thì Kiều A nói: “quản giáo T2 báo Trại giam đang có thanh tra gắt lắm, để sắp xếp lúc nào ổn”.

Kiều A nói với bà S là: “C, Đ mỗi người cho điều tra viên T 1.000.000 đồng để xử phạt hành chính”.

Bà Lương Thị S ghi âm lại đoạn nói chuyện trên đồng thời từ các thông tin do Anh cung cấp, bà S đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra. Tố cáo cán bộ điều tra, Điều tra viên, cán bộ nhà tạm giữ thực hiện việc điều tra không đúng quy định. Tố cáo cán bộ điều tra Phạm Văn T1 lấy khẩu súng của C và nói C khai đã quăng khẩu súng xuống sông.

Bà Lương Thị S có cung cấp các đoạn ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện giữa bà S và Võ Hoàng Kiều A. Qua đoạn ghi âm thể hiện Anh đã kể cho bà S về việc cán bộ điều tra Phạm Văn T1 lấy khẩu súng tang vật vụ án và có hành vi không đúng trong quá trình điều tra.

Tại Kết luận giám định số 3466 ngày 31/07/2025 của V C09 Bộ C1 xác định có 06 đoạn ghi âm hội thoại ghi âm giọng nói của 02 người phụ nữ là không bị cắt ghép chỉnh sửa. Giọng nói của người phụ nữ xung con so sánh với mẫu giám định giọng nói Kiều A là cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 3447 ngày 31/07/2025 của V C09 Bộ C1 kết luận: 01 file ghi hình cuộc gọi giữa đối tượng Kiều A và bà S không bị cắt ghép chỉnh sửa.

Ngày 24/07/2025, ông Phạm Văn T1 là Công an đang Công tác Đội 3 - Phòng C2 Công an Thành phố H làm đơn tố cáo Võ Thị Kiều A2, bịa đặt, vu khống dẫn đến bà S1 nộp đơn tố cáo làm ảnh hưởng đến danh dự của ông, ảnh hưởng uy tín ngành Công an nên ông yêu cầu xử lý Võ Thị Kiều A2 theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Hoàng Kiều A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đồng thời Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Kiều A, S, Đ và C đều xác nhận thông tin của Kiều A cung cấp cho bà S là bịa đặt, vụ khống cũng như tất cả nội dung trong các đoạn ghi âm do Kiều A bịa đặt, vụ khống vì bạn trai Kiều A là Nguyễn Mạnh C cũng bị bắt trong vụ án trên nên Kiều A bức xúc đã bịa đặt ra thông tin không đúng nói cho bà S biết mà không nghĩ đến hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số 272/CT-VKSKV5 ngày 22 tháng 04 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố bị can Võ Hoàng Kiều A phạm tội “Vu khống” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 235/2026/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 156, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng Kiều A phạm tội “Vu khống”. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Kiều A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2026.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 16/7/2026, bị cáo Võ Hoàng Kiều A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác nhận nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng với hành vi phạm tội của họ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả của hành vi phạm tội nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có oan sai. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng Kiều A trình bày: thống nhất với tội danh và điều luật của bản án sơ thẩm đã kết tội bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì mức án hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo nhất thời phạm tội; quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng

cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt bằng với thời hạn đã bị tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Bị cáo đồng ý với luận cứ của luật sư bào chữa và không bổ sung thêm.

- Kiểm sát viên đối đáp: theo phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm giải quyết vụ án đã trình bày.

- Nói lời sau cùng của bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt cho họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Năm 2023, do bức xúc việc bạn trai là Nguyễn Mạnh C bị bắt trong vụ án “Gây rối trật tự công cộng” xảy ra ngày 05/04/2022 tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên bị cáo Võ Hoàng Kiều A đã sử dụng điện thoại liên lạc với bà Lương Thị S (là mẹ bị can Dương Lương Thành Đ chung vụ án với bạn trai của Kiều A) bịa đặt sự việc không có thật về cán bộ điều tra là ông Phạm Văn T1 - Công an đang Công tác Đội 3 - Phòng C2 Công an Thành phố H, cán bộ là ông Trần Duy T2 nhà tạm giữ trong khi thi hành nhiệm vụ.

Bà Lương Thị S ghi âm lại đoạn nói chuyện trên đồng thời từ các thông tin do Anh cung cấp, bà S đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra. Tố cáo cán bộ điều tra, Điều tra viên, cán bộ nhà tạm giữ thực hiện việc điều tra không đúng quy định. Tố cáo cán bộ điều tra Phạm Văn T1 lấy khẩu súng của C và nói C khai đã quăng khẩu súng xuống sông.

Tại Kết luận giám định số 3466 ngày 31/07/2025 của V C09 Bộ C1 xác định có 06 đoạn ghi âm hội thoại ghi âm giọng nói của 02 người phụ nữ là không bị cắt ghép chỉnh sửa. Giọng nói của người phụ nữ xưng con so sánh với mẫu giám định giọng nói Kiều A là cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 3447 ngày 31/07/2025 của V C09 Bộ C1 kết luận: 01 file ghi hình cuộc gọi giữa đối tượng Kiều A và bà S1 không bị cắt ghép chỉnh sửa.

Việc bà S làm đơn tố cáo theo nội dung do bị cáo Kiều A cung cấp đến các Cơ quan chức năng làm ảnh hưởng uy tín của cán bộ đang thi hành nhiệm vụ, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Đối với bà Lương Thị S, từ lời nói của Kiều A không chứng kiến sự việc, đã không xác minh tìm hiểu, từ lời kể sự việc sai sự thật của Võ Hoàng Kiều A đã làm đơn tố cáo, nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự về hành vi đồng phạm với Võ Hoàng Kiều A.

Đối với Trần Duy T2, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T2 và Kiều A xác định không có sự việc T2 nhận tiền từ Kiều A để lo cho Đ. Không có sự việc T2 hứa sắp xếp cho gặp mặt hoặc nhận lợi ích từ bà S để bị can Đ điện thoại cho bà S nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với T2. Đối với việc T2 khi đang công tác tại Nhà tạm giữ đã tự ý đưa điện thoại cho Đ gọi điện cho bà Lương Thị S là sai phạm, hiện T2 đã bị kỷ luật và cho thôi việc.

Như vậy, hành vi khách quan của bị cáo Võ Hoàng Kiều A đã phạm tội “Vu khống”, tội phạm và hình phạt được quy định Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự). Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Võ Hoàng Kiều A về tội “Vu khống”, với tình tiết định khung hình phạt là “*Đối với người đang thi hành công vụ*” và “*Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” quy định điểm đ điểm e khoản 2 Điều 156 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm) là đúng người, đúng tội.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Kiều A 01 (một) năm tù, là trong khung hình phạt của điều luật quy định.

Tuy nhiên, trong vụ án này cần xem xét cho bị cáo như sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt: “*Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” đối với bị cáo là có phần bất lợi cho họ. Bởi lẽ, hành vi khách quan của bị cáo là dùng điện thoại di động để liên lạc với bà Lương Thị S nói câu chuyên sai sự thật, rồi từ câu chuyện này mà bà S ghi âm đi tố cáo ông Phạm Văn T1 là cán bộ Công an đang Công tác Đội 3 - Phòng C2 Công an Thành phố H, ông Trần Duy T2 là cán bộ nhà tạm giữ trong khi thi hành nhiệm vụ. Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không chứng minh được bị cáo xúi giục bà S hay bà S đồng phạm với bị cáo. Do đó, phải cá thể hóa hành vi là bị cáo chỉ có hành vi cố ý bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự, uy tín của người khác. Không trực tiếp dùng mạng xã hội (Facebook, Z, TikTok...), internet, máy tính hoặc điện thoại thông minh để đăng tải, phát tán các bài viết, hình ảnh, video bịa đặt nhằm tiếp cận nhanh chóng và làm tổn hại nghiêm trọng đến nạn nhân trên không gian mạng. Vì vậy, Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội với tình tiết định khung “*Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” là chưa phù hợp.

- Xét bị cáo nhất thời phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự: “*Khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra; người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng.*”

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Cũng đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 07/01/2026 đến nay là 08 tháng 04 ngày, do Hội đồng xét xử giảm hình phạt và tuyên xử bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn đã bị tạm giam nên tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Với lập luận tại đoạn [1] và [2] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu kháng cáo của bị cáo, luận cứ của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Xét về án phí đối với bị cáo: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 156, điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Kiều A 08 (tám) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội “Vu khống”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Võ Hoàng Kiều A, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;(1) THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp . HCM;(3)

- VKSND Khu vực 5; (1)

- THA-DS Khu vực 5; (1)

- TAND Khu vực 5; (2)

- Công an Tp . HCM; (1)

- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)

- Bị cáo;(1)

- Trại tạm giam;(1) **Bùi Đức Nam**

- Sở Tư pháp; (1)

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)

- Lưu, hình sự, hồ sơ; (18) (4)